

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 5 – 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Châu.

Ông Lê Văn Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên toà:
Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 1007/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị T; sinh năm: 2003; CCCD số: 038303024915;

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã TQ, tỉnh TH. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lục Văn D; sinh năm: 2001; CCCD số: 038201023660.

Địa chỉ: Thôn LC, xã TQ, tỉnh TH. (Vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vi Thị T trình bày: Chị và anh Lục Văn D tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 24/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã TX, huyện NX, tỉnh TH (nay là xã TQ, tỉnh TH). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc, đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách cư xử trong gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào khoảng cuối năm 2024, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn TĐ, xã TQ, tỉnh TH sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ thời điểm đó đến nay, không ai quan

tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lục Văn D theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Lục Thị Bảo C, sinh ngày 11/09/2022. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu C do chị chăm sóc, nuôi dưỡng, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu C cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 19/01/2026 và biên bản làm việc ngày 19/01/2026, chị Lục Thị D (chị gái anh D) trình bày: Chị T và anh D kết hôn với nhau vào năm 2009, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TX, huyện NX, TH (nay là xã TQ, tỉnh TH). Từ năm 2023 chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị T, anh D có 01 con chung là Lục Thị Bảo C, sinh ngày 11/09/2022. Chị T, anh D có tài sản chung hay không thì chị không biết.

Anh Lục Văn D có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện, khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D thì không gặp được anh D, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho chị Lục Thị D là chị gái của anh D. Chị D là người nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo nội dung văn bản liên quan đến việc chị T khởi kiện ly hôn cho anh D biết, nhưng do anh D phải đi làm ăn, nên không thể về để giải quyết việc ly hôn với chị T được, anh D cũng không có ý kiến gì về việc chị T khởi kiện ly hôn. Tòa án xét thấy việc anh Lục Văn D vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân, anh D không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Lục Văn D.

Về con chung: Giao con chung là Lục Thị Bảo C, sinh ngày 11/09/2022 cho chị Vi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vi Thị T không yêu cầu anh Lục Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong quá trình giải quyết vụ án anh D cũng không có ý kiến về phần tài sản, nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Lưu đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh TH. Chị Vi Thị T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và vào căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện anh D, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH, theo quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị Vi Thị T và anh Lục Văn D.

[2] Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Lục Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã TQ, tỉnh TH và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Về phía anh D, biết chị T làm đơn xin ly hôn và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh D lên làm việc để anh D bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh D đều không có mặt, thể hiện anh D không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị T, anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh D.

[3]. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị T và Chị D, căn cứ giấy khai sinh của cháu Lục Thị Bảo C, đủ cơ sở xác định chị T và anh D có một con chung là Lục Thị Bảo C, sinh ngày 11/09/2022. Quá trình giải quyết vụ án, anh D không có ý kiến về việc giao nuôi con, nên không có căn cứ giao con cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét đề nghị của chị T về việc xin được nuôi con thấy rằng: Hiện tại cháu Châu đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Để không bị xáo trộn cuộc sống, đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Châu, nên chấp nhận đề nghị của chị T là phù hợp. Đối với đề nghị của chị T về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh D cũng không có ý kiến về phần tài sản, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về trình tự thủ tục giải quyết vắng mặt anh Lục Văn D Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong đơn khởi kiện chị T ghi đầy đủ, đúng địa chỉ của anh D, việc

anh D vắng mặt là thuộc trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh và từ chối khai báo, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Lục Văn D.
2. Về con chung: Giao cháu Lục Thị Bảo C, sinh ngày 11/09/2022 cho chị Vi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vi Thị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lục Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm.
3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai số 0000263 ngày 12/01/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh TH. Chị Vi Thị T đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Vi Thị T và anh Lục Văn D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10 – TH;
- Cơ quan THADS tỉnh TH;
- UBND xã TQ, tỉnh TH;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Kim

Lê Xuân Lâm

Lê Xuân Vinh

